# BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

| STT | Kí hiệu biểu | Tên biểu | Kỳ báo cáo | Ngày nhận báo cáo |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 001.H/BCB-VKSNDTC | Số thanh niên là bị can đã khởi tố | Năm | Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo |
| 2 | 002.H/BCB-VKSNDTC | Số bị can là thanh niên đã truy tố | Năm | Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo |
| 3 | 003.N/BCB-VKSNDTC | Lãnh đạo là thanh niên trong ngành kiểm sát | Năm | Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo |

**Biểu số 001.H/BCB-VKSNDTC**
Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo

# SỐ THANH NIÊN LÀ BỊ CAN ĐÃ KHỞI TỐ

Năm

Đơn vị báo cáo:
Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Nội vụ

| | Mã số | Số bị can là thanh niên (Người) |
|---|---|---|
| A | B | 1 |
| **Tổng số** | 01 | |
| ***1. Chia theo tội danh*** (ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS) | 02 | |
| Tội giết người | | |
| Tội giết con mới đẻ | | |
| … | | |
| … | | |
| Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê | | |
| ***2. Chia theo giới tính bị can*** | | |
| Nam | | |
| Nữ | | |
| ***3. Chia theo nhóm tuổi bị can*** | | |
| Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi | | |
| Từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi | | |
| ***4. Chia theo thành thị/nông thôn*** | | |
| Thành thị | | |
| Nông thôn | | |
| ***5. Chia theo tỉnh/thành phố*** | | |
| *(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)* | | |
| | | |

*Ngày … tháng … năm …*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Người kiểm tra biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

**Biểu số: 001.H/BCB-VKSNDTC:Số thanh niên là bị can đã khởi tố**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số thanh niên là bị can đã khởi tố là số thanh niên (người từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi) đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm và bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can.

- Nguyên tắc thống kê theo tội danh:

+ Nếu trong một vụ án có nhiều tội danh được khởi tố thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (tội danh có mức án nghiêm khắc nhất);

+ Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

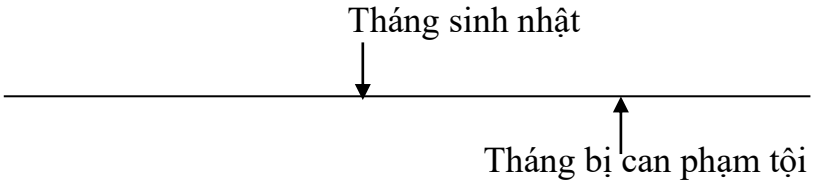
+ Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của Điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

Tuổi bị can tính tại thời điểm phạm tội:

+ Cách tính tuổi tròn: Nếu tháng mà bị can phạm tội trùng hoặc sau tháng sinh nhật thì tuổi tròn được tính là năm phạm tội trừ đi năm sinh. Nếu tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật thì lấy năm phạm tội trừ đi năm sinh và trừ 1.

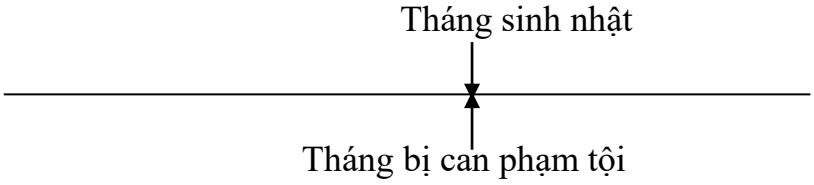
*Hình 1: Tháng bị can phạm tội sau tháng sinh nhật*

Tuổi tròn = Năm phạm tội - Năm sinh



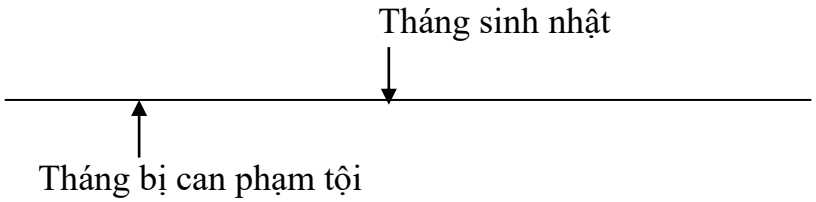

*Hình 2: Tháng bị can phạm tội trùng tháng sinh nhật*

Tuổi tròn = Năm phạm tội - Năm sinh




*Hình 3: Tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật*

Tuổi tròn = Năm phạm tội - Năm sinh - 1



**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi số bị can là thanh niên đã khởi tố trong kỳ.

Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu:

- *Phạm vi thu thập số liệu*: Toàn bộ vụ án và bị can đã được các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi cả nước.

- *Thời kỳ thu thập số liệu*:

Ngày báo cáo là 31/3 năm sau, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ 01/01 năm báo cáo đến hết ngày 31/12 năm báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

Hệ thống báo cáo thống kê của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

**Biểu số 002.H/BCB-VKSNDTC**
Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo

# SỐ BỊ CAN LÀ THANH NIÊN ĐÃ BỊ TRUY TỐ

Năm

Đơn vị báo cáo:
Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Nội vụ

| | Mã số | Số bị can là thanh niên đã truy tố (Người) |
|---|---|---|
| A | B | 1 |
| **Tổng số** | 01 | |
| ***1. Chia theo tội danh*** (ghi theo thứ tự các tội danh trong BLHS) | | |
| Tội giết người | 02 | |
| Tội giết con mới đẻ | 03 | |
| … | … | |
| … | | |
| Tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê | | |
| ***2. Chia theo giới tính bị can*** | | |
| Nam | | |
| Nữ | | |
| ***3. Chia theo nhóm tuổi bị can*** | | |
| Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi | | |
| Từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi | | |
| ***4. Chia theo tỉnh/thành phố*** | | |
| *(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)* | | |

*Ngày … tháng … năm …*

| **Người lập biểu** | **Người kiểm tra biểu** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

**Biểu số: 002.H/BCB-VKSNDTC:Số bị can là thanh niên đã truy tố**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số bị can là thanh niên đã truy tố là số bị can là thanh niên (người từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi) mà Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố bị can đó ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

Nguyên tắc thống kê theo tội danh:

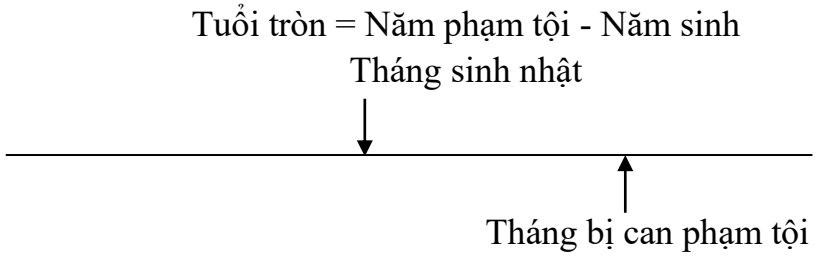
+ Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án (tội danh có mức án nghiêm khắc nhất);

+ Nếu bị can bị truy tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó;

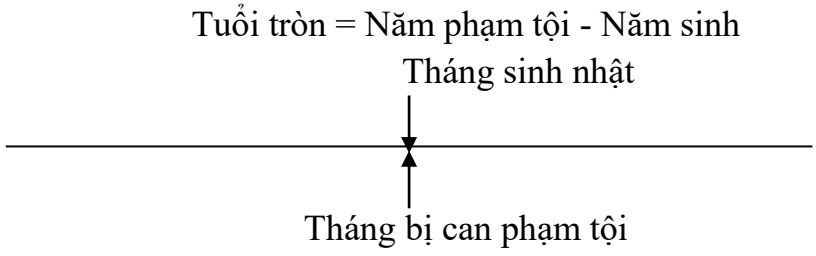
+ Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của Điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật hình sự.

Tuổi bị can tính tại thời điểm phạm tội. Cách tính tuổi tròn: Nếu tháng mà bị can phạm tội trùng hoặc sau tháng sinh nhật thì tuổi tròn được tính là năm phạm tội trừ đi năm sinh. Nếu tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật thì lấy năm phạm tội trừ đi năm sinh và trừ 1.

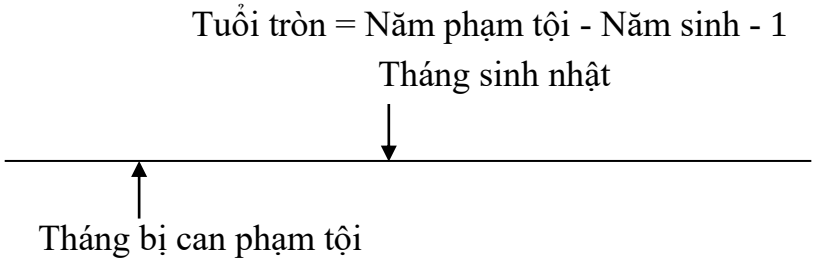
*Hình 1: Tháng bị can phạm tội sau tháng sinh nhật*




*Hình 2: Tháng bị can phạm tội trùng tháng sinh nhật*




*Hình 3: Tháng bị can phạm tội trước tháng sinh nhật*




**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi số bị can là thanh niên đã truy tố trong kỳ.

Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu:

- *Phạm vi thu thập số liệu*: Toàn bộ vụ án và bị can đã được Viện Kiểm sát ra quyết định truy tố trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố trong kỳ báo cáo trên phạm vi cả nước.

- *Thời kỳ thu thập số liệu*:

Ngày báo cáo là 31/3 năm sau, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ 01/01 năm báo cáo đến hết ngày 31/12 năm báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

Hệ thống báo cáo thống kê của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

**Biểu số 003.H/BCB-VKSNDTC**

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 31/3 năm sau năm báo cáo

# LÃNH ĐẠO TRONG NGÀNH KIỂM SÁT LÀ THANH NIÊN

Có đến ngày 31 tháng 12 năm…

Đơn vị báo cáo:

Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Nội vụ

*Đơn vị tính: Người*

| | Mã số | Tổng số lãnh đạo trong ngành kiểm sát | Viện kiểm sát nhân dân tối cao | | Viện kiểm sát nhân dân cấp cao | | Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh | | Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó: Thanh niên | Tổng số | Trong đó: Thanh niên | Tổng số | Trong đó: Thanh niên | Tổng số | Trong đó: Thanh niên |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| **Cả nước** | 01 | | | | | | | | | |
| **1. Chia theo giới tính** | | | | | | | | | | |
| Nam | 02 | | | | | | | | | |
| Nữ | 03 | | | | | | | | | |
| **2. Chia theo trình độ học vấn** | | | | | | | | | | |
| Trung cấp | 04 | | | | | | | | | |
| Cao đẳng | 05 | | | | | | | | | |
| Đại học | 06 | | | | | | | | | |
| Trên đại học | 07 | | | | | | | | | |
| Không xác định | 08 | | | | | | | | | |
| **3. Chia theo dân tộc** | | | | | | | | | | |
| Kinh | 09 | | | | | | | | | |
| Dân tộc thiểu số | 10 | | | | | | | | | |

*Ngày … tháng … năm …*

**Người lập biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Người kiểm tra biểu**
*(Ký, họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

**Biểu số 003.N/BCB-VKSNDTC: Lãnh đạo trong ngành kiểm sát**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Tổng số lãnh đạo trong ngành kiểm sát là toàn bộ số người tham gia lãnh đạo trong hệ thống Viện kiểm sát nhân dân.

Lãnh đạo trong ngành kiểm sát là thanh niên là toàn bộ số người từ đủ 21 tuổi đến 30 tuổi tham gia lãnh đạo trong hệ thống Viện kiểm sát nhân dân.

Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh).

- Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện).

**Chức vụ lãnh đạo trong ngành kiểm sát:**

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng, các Phó Viện trưởng các viện nghiệp vụ.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng.

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo ngành kiểm sát các cấp;

- Cột 2: Ghi tổng số lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Cột 3: Ghi tổng số thanh niên là lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Cột 5: Ghi tổng số thanh niên là lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Cột 6: Ghi tổng số lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

- Cột 7: Ghi tổng số thanh niên là lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

- Cột 8: Ghi tổng số lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

- Cột 9: Ghi tổng số thanh niên là lãnh đạo ở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

**3. Nguồn số liệu**

Hệ thống báo cáo thống kê của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.